

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2553 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam – công suất 80.000 tấn/năm” tại Lô C6, đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam – công suất 80.000 tấn/năm” tại Lô C6, đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương họp ngày 27 tháng 3 năm 2021;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam – công suất 80.000 tấn/năm” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 11/CTYEarth ngày 5 tháng 11 năm 2021 và Văn bản số 915/ECV-2021 ngày 9 tháng 12 năm 2021 về việc điều chỉnh tên dự án tại hồ sơ trình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nâng công suất nhà máy sản xuất chất tẩy rửa và diệt côn trùng từ 30.000 tấn/năm lên 80.000 tấn/năm” của Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam – công suất 80.000 tấn/năm” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Lô C6, đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bình Dương;
- Sở TN&MT tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT (03), Hu (08).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÔNG TY TNHH EARTH CORPORATION VIỆT NAM – CÔNG SUẤT 80.000 TẤN/NĂM” TẠI LÔ C6, ĐƯỜNG N3, KHU CÔNG NGHIỆP NAM TÂN UYÊN, PHƯỜNG KHÁNH BÌNH, THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 2553/QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về dự án

- Tên dự án: “Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam – công suất 80.000 tấn/năm” (sau đây gọi là Dự án hoặc Nhà máy).

- Chủ dự án: Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty hoặc Chủ dự án).

- Địa điểm thực hiện: Lô C6, đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên,

phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Địa chỉ liên hệ: Lô C6, đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.1. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Dự án với tổng diện tích sử dụng là 14.000 m².

- Các hạng mục công trình hiện hữu phục vụ sản xuất (02 nhà xưởng sản xuất, kho thành phẩm, kho bao bì hóa chất), các hạng mục bảo vệ môi trường (hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải, các kho chứa chất thải) và các hạng mục khác (nhà văn phòng, trạm cân, nhà xe,...), đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 1547/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 8 năm 2013 và Tổng cục Môi trường cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 42/GXN-TCMT ngày 05 tháng 05 năm 2016.

- Các hạng mục công trình sẽ được xây dựng trong phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này để nâng công suất của nhà máy hiện hữu từ 30.000 tấn sản phẩm/năm lên 80.000 tấn sản phẩm/năm (bao gồm tăng công suất sản xuất các sản phẩm hiện hữu thêm 40.973 tấn sản phẩm/năm và bổ sung thêm các sản phẩm mới với công suất 9.027 tấn sản phẩm/năm).

Các sản phẩm sản xuất phục vụ nhu cầu tẩy rửa, vệ sinh gia dụng gồm: nước tẩy rửa nhà vệ sinh, nhà tắm, nước lau kính, nước lau bếp, nước lau sàn, nước rửa chén, nước hoa xịt phòng, bột vệ sinh hầm cầu,... Các sản phẩm sẽ được đầu tư mới gồm: viên tẩy, gel, sáp thơm, aerosol, xông đuổi côn trùng ché

phẩm diệt côn trùng, Sản xuất nước thơm, khử mùi, cồn diệt khuẩn, xịt mặt bụi,...

1.2. Công nghệ sản xuất của Dự án

Quy trình công nghệ sản xuất các sản phẩm hiện hữu bao gồm:

- Công nghệ Line liquid 1: Sản xuất nước tẩy rửa nhà vệ sinh, nhà tắm:
Nguyên liệu → Cân định lượng → Khuấy trộn → Chiết chai → Đóng nắp, dán nhãn → đóng thùng → Lưu kho, tiêu thụ sản phẩm.

- Công nghệ Line liquid 2: Sản xuất nước lau kính, nước lau bếp:
Nguyên liệu → Cân định lượng → Khuấy trộn → Chiết chai → Đóng nắp, dán nhãn → đóng thùng → Lưu kho, tiêu thụ sản phẩm.

- Công nghệ Line liquid 3: Sản xuất nước lau sàn:
Nguyên liệu → Cân định lượng → Khuấy trộn → Chiết chai → Đóng nắp, dán nhãn → đóng thùng → Lưu kho, tiêu thụ sản phẩm.

- Công nghệ Line liquid 4: Sản xuất nước rửa chén:
Nguyên liệu → Cân định lượng → Khuấy trộn → Chiết chai → Đóng nắp, dán nhãn → đóng thùng → Lưu kho, tiêu thụ sản phẩm.

- Công nghệ Line gas: Sản xuất nước hoa xịt phòng:
Nguyên liệu → Cân định lượng → Khuấy trộn → Chiết chai → Nạp nước → Đóng nắp, nạp gas, in nhãn → đóng thùng → Lưu kho, tiêu thụ sản phẩm.

- Công nghệ Line booder 1: Sản xuất bột vệ sinh hầm cầu:
Nguyên liệu → Máy chiết → Chiết ra túi → Vào hộp → In nhãn → đóng thùng → Lưu kho, tiêu thụ sản phẩm.

- Công nghệ Line booder 1: Sản xuất bột vệ sinh hầm cầu:
Nguyên liệu → Máy chiết → Chiết ra túi → Vào hộp → In nhãn → đóng thùng → Lưu kho, tiêu thụ sản phẩm.

Công nghệ sản xuất bổ sung, nâng công suất:

- Công nghệ Line booder 2: Sản xuất viên tẩy ,
Nguyên liệu → Cân định lượng → Khuấy trộn → Ép viên → Quấn màng, ép vi → In nhãn → đóng thùng → Lưu kho, tiêu thụ sản phẩm.

- Công nghệ Line gel: Sản xuất sản phẩm gel, sáp thơm:
Nguyên liệu → Cân định lượng → Khuấy trộn → Chiết chai → Đóng nắp, dán nhãn → đóng thùng → Lưu kho, tiêu thụ sản phẩm.

- Công nghệ Line liquid 5: Sản xuất cồn diệt khuẩn, xịt mặt bụi, ...:
Nguyên liệu → Cân định lượng → Khuấy trộn → Chiết chai → Đóng nắp, dán nhãn → đóng thùng → Lưu kho, tiêu thụ sản phẩm.

- Công nghệ Line liquid 6: sản xuất Xông đuổi muối, kiến, côn trùng các loại:

Nguyên liệu → Cân định lượng → Khuấy trộn → Chiết chai → Đóng nắp, dán nhãn → đóng thùng → Lưu kho, tiêu thụ sản phẩm.

- Công nghệ Line liquid 7: Sản xuất nước thơm, khử mùi:

Nguyên liệu → Cân định lượng → Khuấy trộn → Chiết chai → Đóng nắp, dán nhãn → Co màng → đóng thùng → Lưu kho, tiêu thụ sản phẩm.

- Công nghệ Line gas: Sản xuất chế phẩm diệt côn trùng:

Nguyên liệu → Cân định lượng → Khuấy trộn → Chiết chai → Nạp gas → Đóng nắp, in nhãn → Co màng, đóng thùng → Lưu kho, tiêu thụ sản phẩm.

1.3 Các hạng mục công trình của Dự án

1.3.1 Các hạng mục công trình hiện hữu

Các hạng mục đã xây dựng và đi vào hoạt động theo Quyết định số 1547/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án:

- Các hạng mục chính:

+ Xưởng sản xuất 1 có diện tích 1.000 m² lắp đặt các dây chuyền: Line booder 1 (Dây chuyền sản xuất bột vệ sinh hàm cầu Amiphot), Line liquid 1 (Dây chuyền sản xuất nước tẩy rửa nhà vệ sinh, nhà tắm), Line liquid 2 (Dây chuyền sản xuất nước lau kính, nước lau bếp), Line liquid 3 (Dây chuyền sản xuất nước lau sàn), Line liquid 4 (Dây chuyền sản nước rửa chén), dây chuyền co hàng, khu trộn 1, khu trộn 2;

+ Xưởng sản xuất 2 có diện tích 1.383,5 m²: Khu vực sản xuất các sản phẩm có nạp khí gas có diện tích 570 m², kho nguyên liệu có diện tích 715,5 m², khu vực máy nén khí có diện tích 98 m².

+ Kho thành phẩm, có diện tích 2.100 m²;

+ Kho bao bì, hóa chất có diện tích 1.480 m²;

- Các hạng mục phụ trợ: Nhà văn phòng, nhà bảo vệ, trạm cân, nhà ăn công nhân, nhà để xe, cây xanh, hàng rào, đường giao thông,...

- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường hiện hữu đã được Tổng cục Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 42/GXN-TCMT ngày 05 tháng 05 năm 2016 bao gồm:

+ Hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung với công suất 25 m³/ngày;

+ 02 bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt với tổng thể tích là 29,25 m³;

+ Hệ thống cyclon tại hệ bồn chứa nguyên liệu Amiphot để thu hồi bụi;

+ Hệ thống xử lý khí thải bằng tháp hấp thụ hơi axit;

+ Hệ thống các thùng chứa rác thải sinh hoạt dung tích 5 lít và 250 lít;

+ Khu vực lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường diện tích 66,8 m²;

+ Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 13,2 m²;

1.3.2. Các hạng mục công trình bổ sung

- Các hạng mục chính:

+ Xưởng sản xuất 1 có diện tích 1.000 m², lắp thêm các dây chuyền: Line booder 2 (Dây chuyền sản xuất viên tẩy), Line gel (Dây chuyền sản xuất gel, sáp thơm), Line liquid 5 (Dây chuyền sản xuất cồn diệt khuẩn, xịt mặt bụi, khử mùi...), Line liquid 7 (Dây chuyền sản xuất nước thơm, khử mùi);

+ Xưởng sản xuất 2 có diện tích 1.383,5 m² bao gồm: Line gas (Bổ sung thêm sản phẩm aerosol, chế phẩm diệt côn trùng), Line liquid 6 (Bổ sung thêm sản phẩm xông đuổi muỗi, kiến, côn trùng các loại).

- Các hạng mục phụ trợ: Không.

- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường: Không.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Giai đoạn xây dựng:

- Nước thải phát sinh từ hoạt động thi công lắp đặt máy móc, thiết bị;

- Bụi, khí thải từ phương tiện, máy móc phục vụ thi công lắp đặt máy móc, thiết bị;

- Chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn triển khai thi công lắp đặt máy móc, thiết bị, bao gồm chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại.

Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên; nước thải sản xuất (từ quá trình vệ sinh nhà xưởng, hệ thống xử lý khí thải bằng tháp hấp thụ và tráng bồn khi thay đổi sản phẩm trên cùng một dây chuyền);

- Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu sản xuất và thành phẩm ra vào nhà máy; hơi axit và hóa chất phát sinh từ công đoạn phối trộn nguyên liệu trong các dây chuyền sản xuất; khí gas rò rỉ trong quá trình nạp gas vào sản phẩm tại Line gas; bụi từ dây chuyền sản xuất amiphot.

- Chất thải rắn từ giai đoạn vận hành, bao gồm: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn xây dựng:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng khoảng 0,9 m³/ngày, thành phần chính gồm chất lơ lửng (SS), BOD, COD, Nitơ (N), Photpho (P), Coliform.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại nhà máy: khoảng 9,27 m³/ngày, thành phần chính gồm chất lơ lửng (TSS), BOD, COD, Nitơ (N), Photpho (P), Coliform.

+ Nước thải sản xuất: phát sinh khoảng 8,83 m³/ngày với thành phần chính gồm BOD, COD, TSS, chất hoạt động bề mặt...;

+ Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải: Trung bình khoảng 3 m³/ngày.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Giai đoạn xây dựng:

- Bụi, khí thải: Bụi, khí thải từ phương tiện, máy móc thiết bị phục vụ thi công xây dựng, thành phần: SO₂, NO_x, CO, VOC, hợp chất hydrocacbon.

Giai đoạn vận hành:

- Bụi, khí thải: SO₂, NO_x, CO, VOC phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên liệu và sản phẩm;

- Hơi axit HCl phát sinh từ Line liquid 1: Sản xuất nước tẩy rửa nhà vệ sinh, nhà tắm;

- Khí gas rò rỉ trong quá trình nạp gas vào sản phẩm tại Line gas;

- Bụi phát sinh từ Line booder 1: Dây chuyền sản xuất bột vệ sinh hàm cầu Amiphot.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường

Giai đoạn xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 6 đến 10 kg/ngày, bao gồm các thành phần như thức ăn dư thừa, túi nylon, carton, giấy vụn, nhựa, thủy tinh,... ;

- Chất thải rắn xây dựng với khối lượng phát sinh trung bình khoảng 400 kg/tháng, bao gồm các thành phần như gỗ vụn pallet, bao bì thiết bị, dây điện hỏng,...;

Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại nhà máy với khối lượng phát sinh khoảng 48 kg/ngày, bao gồm các thành phần như thức ăn dư thừa, túi nylon, giấy vụn, nhựa, thủy tinh, kim loại,...

- Chất thải rắn phát sinh từ trong quá trình sản xuất, tạp chất trong giấy phế liệu với khối lượng phát sinh khoảng 15.949 kg/tháng, bao gồm: Chất thải công nghiệp thông thường (bao bì lỗi đã qua sử dụng, pallet hư hỏng).

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Giai đoạn xây dựng:

Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là các giẻ lau dính dầu, mỡ, thùng đựng nhớt,... Khối lượng phát sinh ước tính khoảng 180 kg trong suốt quá trình thi công lắp đặt máy móc, thiết bị.

Giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là bao bì thải mềm, hóa chất phòng thí nghiệm, bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính nhớt, hóa chất, dầu nhớt động cơ thải; bao bì thải cứng bằng kim loại, bao bì thải cứng bằng nhựa, hộp mực in thải; hạt lọc gas. Với tổng khối lượng phát sinh ước tính là 16.979 kg/tháng.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

Giai đoạn xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn xây dựng: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Hệ thống xử lý nước thải công suất 25 m³/ngày của Nhà máy → Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Nam Tân Uyên (KCN Nam Tân Uyên).

Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) với công suất 25 m³/ngày → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Nam Tân Uyên.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải sản xuất → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý nước thải với công suất 25 m³/ngày → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Tân Uyên;

+ Quy trình công nghệ của Hệ thống xử lý nước thải với công suất 25 m³/ngày: Nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt → Hồ thu gom → Bể trung gian → Bể Điều hòa → Bể Trung hòa → Bể DAF → Bể MBBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom và xử lý nước thải của KCN Nam Tân Uyên.

+ Toàn bộ nước thải phát sinh (nước thải sản xuất và nước thải từ sinh hoạt) được thu gom và xử lý tại HTXLNT của Nhà máy công suất thiết kế 25 m³/ngày, xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối của hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Tân Uyên trước khi đầu nối.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thỏa thuận bằng văn bản với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Nam Tân Uyên về việc đầu nối nước thải sau xử lý sơ bộ tại Nhà máy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Tân Uyên đảm bảo không vượt quá điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Tân Uyên;

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Tân Uyên theo văn bản thỏa thuận của Chủ dự án với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Nam Tân Uyên.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

Giai đoạn thi công xây dựng:

(i)- Sử dụng phương tiện, thiết bị máy móc đảm bảo đạt đúng quy định kỹ thuật và vận chuyển đúng tải trọng; (ii) Thực hiện che chắn, phân khu thi công với các khu vực khác; (iii) Tuân thủ thời gian biểu và các biện pháp tổ chức thi công; (iv) Đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh trong khuôn viên Nhà máy.

Giai đoạn vận hành:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm: (i) Quản lý chất lượng phương tiện; (ii)- Bê tông hóa tuyến đường giao thông nội bộ; (iii) Thực hiện các biện pháp quản lý nội vi; (iv) Đảm bảo diện tích cây xanh;

- Biện pháp xử lý hơi axit và hóa chất trong quá trình sản xuất: (i) Thùng phản ứng được thiết kế hoàn toàn kín để đảm bảo giữ được các hương vị và không bị phát tán ra ngoài môi trường; các đầu rót nguyên liệu vào được thiết kế, lắp đặt theo hình thức bán tự động để đảm bảo khả năng định lượng nguyên liệu và tỷ lệ phối trộn hợp lý; (ii) Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân; (iii) Thiết kế đồng bộ hệ thống thông gió nhà xưởng, quạt hút;

- Biện pháp giảm thiểu tác động do khí gas rò rỉ trong quá trình nạp gas vào sản phẩm tại Line gas: (i) Công đoạn nạp liệu được thực hiện trong buồng kín, nạp liệu tự động, kiểm soát được lượng khí gas nạp vào chai; (ii) Lắp đặt hệ thống quạt hút và hút khí gas rò rỉ trong buồng kín để thải ra ngoài qua hệ thống đường ống và ống khói có đường kính 168 mm, cao 6 m; (iii) Thông thoáng nhà xưởng.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi phát sinh từ dây chuyền sản xuất Amiphot (Line booder 1): Sử dụng hệ thống thu gom và xử lý bụi phát sinh hiện hữu như sau: Bụi từ công đoạn nạp liệu bột Amiphot → Quạt hút → Cyclon → Túi lọc bụi → Ống khói cao 12 m, ống khói cao hơn mái nhà 1,2 m.

+ Biện pháp thông thoáng nhà xưởng: 8 quạt thông gió kích thước: 1.200 x 1.200, công suất motor: 0,75 Kw, lưu lượng mỗi quạt là 37.000 m³/giờ.

- Hệ thống thu gom xử lý hơi axit và hóa chất bằng hệ thống tháp hấp thụ:

+ Quy trình công nghệ của hệ thống tháp hấp thụ như sau: Hơi axit và hóa chất từ dây chuyền sản xuất nước tẩy rửa nhà tắm → quạt ly tâm → tháp hấp thụ hơi axit → ống khói cao 8 m, đường kính 350 mm.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Nhà máy phải được thu gom, xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B với các hệ số $K_p = 1$, $K_v = 1$.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chủ dự án thực hiện đầy đủ việc quản lý chất thải rắn phát sinh theo hướng dẫn được quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

Giai đoạn xây dựng:

Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn phát sinh từ hoạt động lắp đặt máy móc thiết bị sẽ được thu gom, phân loại và lưu giữ trong kho chứa chất thải hiện hữu của Nhà máy.

Giai đoạn vận hành:

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có dung tích từ 5 - 240 lít/thùng tại các khu vực sản xuất, văn phòng, dọc hành lang, căn tin. Định kỳ được thu gom, phân loại và lưu giữ tại khu vực chứa chất thải sinh hoạt.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh được thu gom, phân loại và lưu chứa tại kho chứa có diện tích 96,8 m².

- Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)

Giai đoạn xây dựng:

Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa (có dán nhãn và nắp đậy theo quy định) với dung tích 120 lít/thùng

và lưu chứa tại kho CTNH hiện hữu của Nhà máy. Định kỳ đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Giai đoạn vận hành:

CTNH phát sinh được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa có dung tích 240 lít/thùng (có dán nhãn và nắp đậy theo quy định) tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 13,2 m². Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, phân loại và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn và độ rung trong giai đoạn thi công và vận hành: (i)- Thực hiện bảo dưỡng, bảo trì máy móc định kỳ; (ii) Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; (iii)- Thiết kế nhà xưởng cao, thông thoáng; (iv) Thực hiện các biện pháp quản lý nội vi trong sản xuất; (v) Tự động hóa quá trình sản xuất và tuân thủ các quy trình vận hành máy móc, thiết bị; (vi) Bố trí tuyến đường vận chuyển và lượng phương tiện ra vào hợp lý; hạn chế hạn chế các hoạt động gây tiếng ồn và độ rung lớn vào ban đêm; (vii) Trồng cây xanh xung quanh khu vực Nhà máy.

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nhiệt dư: (i) Lắp đặt hệ thống thông gió, tạo điều kiện thông thoáng khu vực cho các phòng, gian máy, nhà xưởng; (ii) Quy hoạch khuôn viên nhà máy hợp lý; (iii) Trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

+ Bố trí mặt bằng trong khuôn viên Nhà máy để trồng cây xanh, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh theo quy định của pháp luật.

3.6. Biện pháp thu gom, thoát nước mưa

- Các công trình, biện pháp thu gom, thoát nước và xử lý nước mưa chảy tràn của Dự án trong giai đoạn thi công lắp đặt máy móc, thiết bị như sau: (i) Toàn bộ lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án sẽ được thu gom chung với hệ thống thu gom nước mưa hiện hữu của Nhà máy; (ii) Thường xuyên nạo vét các mương thu gom nước mưa và hồ gas.

- Các công trình, biện pháp thu gom, thoát nước và xử lý nước mưa chảy tràn của Dự án trong giai đoạn vận hành như sau:

Nước mưa chảy tràn → Hệ thống thu gom (song chắn rác, mương thoát, hố ga) → Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của KCN Nam Tân Uyên.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường: Toàn bộ nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án được thu gom và xử lý (lắng cặn) trước khi thoát ra hệ thống thu gom và thoát nước mưa của KCN Nam Tân Uyên.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu sự cố cháy nổ: (i) Thiết lập khoảng cách ly an toàn của kho chứa nguyên liệu với các công trình khác (từ 5-10m). Sắp xếp bố trí nguyên vật liệu và hóa chất theo thứ tự, dễ bảo quản, vận chuyển và sử dụng; (ii) Lập kế hoạch sử dụng để tránh tồn kho nhiều dễ phát sinh cháy nổ mùa nắng nóng; (iii) Trang bị đầy đủ trang thiết bị sẵn sàng ứng phó với sự cố cháy nổ; (iv) Trang bị các biển báo và quy trình ứng phó được dán tại nơi làm việc; (v) Tập huấn và đào tạo cho đội phòng cháy chữa cháy (PCCC) của Công ty và định kỳ 1 lần/năm diễn tập PCCC cho toàn bộ công nhân trong nhà máy.

- Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất: (i) Hóa chất phải được lưu trữ trong thùng kín. Mọi hóa chất sử dụng phải được sắp xếp có trật tự, riêng biệt; bao bì phải đảm bảo chắc chắn, quản lý chặt chẽ và an toàn; (ii) Có bản hướng dẫn cụ thể tính chất của các hóa chất và các quy định cần phải tuân thủ khi sắp xếp, sử dụng; (iii) Tập huấn cho công nhân biết rõ tính chất hóa lý của hóa chất, biện pháp đề phòng và các giải quyết các sự cố; (iv) Trang bị các biển báo và quy trình ứng phó được dán tại nơi làm việc; (v) Thực hiện, phối hợp với các đơn vị chức năng trong ứng phó sự cố và khắc phục môi trường sau sự cố.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất 25 m³/ngày: (i) Bảo trì thiết bị máy móc thường xuyên để tránh hỏng hóc máy móc; (ii) Chuẩn bị các bơm, thiết bị sục khí, thiết bị dự phòng khác nhằm thay thế ngay khi thiết bị hư hỏng; (iii) Bố trí cán bộ chuyên trách có năng lực và chuyên môn để vận hành và bảo trì trạm xử lý nước thải.

- Phương án ứng phó sự cố vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 25 m³/ngày: Trong trường hợp hệ thống bị sự cố, Nhà máy sẽ tạm ngưng các hoạt động sản xuất có phát sinh nước thải để khắc phục sự cố trước khi đầu nối vào HTXLNT của KCN Nam Tân Uyên. Khi xảy ra sự cố tại HTXLNT sẽ ngưng việc thải nước thải chưa qua xử lý vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Nam Tân Uyên.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Hệ thống thu gom nước mưa và nước thải riêng biệt;
- 02 bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt;
- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 25 m³/ngày.
- Hệ thống xử lý khí thải bằng tháp hấp thụ hơi axit thải ra ống khói cao 8 m, đường kính 350 mm tại Line Liquid 1 (dây chuyền sản xuất nước tẩy rửa nhà vệ sinh, nhà tắm);
- Khu vực lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường diện tích 66,8 m²;
- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 13,2 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn vận hành của Dự án

a) Giám sát khí thải:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại ống khói đầu ra của tháp hấp thụ axit tại Line liquid 1 (dây chuyền sản xuất nước tẩy rửa nhà vệ sinh, nhà tắm).
- Thông số giám sát: HCl.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B với các hệ số $K_p=1,0$ và $K_v=1,0$.

b) Giám sát nước thải:

- Vị trí giám sát: Đầu ra của HTXLNT của nhà máy công suất 25 m³/ngày.
- Thông số giám sát: Các thông số theo văn bản thỏa thuận giữa Chủ dự án với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Nam Tân Uyên.
- Văn bản áp dụng: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Tân Uyên theo văn bản thỏa thuận của Chủ dự án với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Nam Tân Uyên.

c) Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải



và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các điều kiện liên quan đến môi trường

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện và tuân thủ các điều kiện sau:

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

- Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Thiết kế cơ sở các công trình bảo vệ môi trường phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; Chủ Dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai thực hiện Dự án.

- Lập kế hoạch và đảm bảo các điều kiện cần thiết để phòng ngừa và ứng cứu sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Khi Hệ thống xử lý nước thải của Dự án gặp sự cố không thể khắc phục được, hệ thống sản xuất cũng phải dừng hoạt động để đảm bảo Hệ thống xử lý nước thải được khắc phục và xử lý đáp ứng yêu cầu.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về đầu tư, xây dựng, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ, nhập khẩu nguyên vật liệu và các quy định có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Dự án.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động (do lỗi của Chủ Dự án) gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây các sự cố môi trường.